

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Vốn điều lệ	19.110.118.355 đồng
Vốn chủ sở hữu đến thời điểm 30/06/2022	18.923.090.790 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Điện thoại: +84 (269) 3835364
Mã số thuế: 5 9 0 0 1 8 7 8 5 7

Chủ tịch, Ban giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

- Ông Từ Tấn Lộc	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Võ Đình Chung	Phó Giám đốc
- Ông Trần Quốc Trung	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong gian đoạn tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

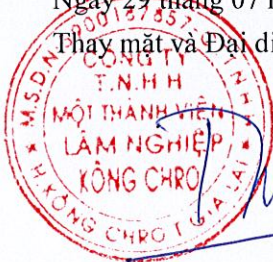
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Từ Tấn Lộc

Từ Tấn Lộc

Giám đốc

Số 091/2022/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro, được lập ngày 29 tháng 07 năm 2022, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty chưa thực hiện kiểm kê đánh giá chi phí kinh doanh dở dang dài hạn tại thời điểm 30/06/2022. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi cũng không thể xác định được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Do vậy chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính chính xác số dư của khoản mục nêu trên và những ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2022 đính kèm.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

(*) Công ty ghi nhận kinh phí ngân sách nhận được trong giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2022 theo Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020: Nguồn kinh phí nhận được số tiền 1.885.864.000 đồng (cấp bù các năm trước); Các khoản chi của hoạt động này số tiền 1.872.199.101 đồng. Số được quyết toán năm 2021 là 3.448.638.491 đồng, số không được quyết toán là 50.558.472 đồng. Số dư đầu kỳ của nguồn kinh phí sự nghiệp là âm (1.324.078.315) đồng và của chi sự nghiệp là 2.921.936.994 đồng. Tính hợp lý của khoản chi phí này phụ thuộc vào quyết toán chính thức của các cấp có thẩm quyền.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



PHAN THỊ TỔ TRINH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2537-2019-196-1

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2018-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 30/06/2022	TẠI NGÀY 01/01/2022
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.922.257.258	8.674.845.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.279.169.974	93.637.347
1. Tiền	111	V.01	1.279.169.974	93.637.347
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	5.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		522.094.853	1.487.702.328
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	6.671.420	1.320.109.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	394.266.914	84.266.914
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	121.156.519	83.326.311
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.992.431	93.505.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	26.076.123	54.589.522
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.11a	94.916.308	38.916.370
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.074.466.175	13.849.954.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		172.494.900	172.494.900
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	172.494.900	172.494.900
II. Tài sản cố định	220		23.883.750	26.441.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	23.883.750	26.441.250
Nguyên giá	222		1.461.639.921	1.461.639.921
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.437.756.171)	(1.435.198.671)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.637.347.525	13.363.570.645
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.08	13.637.347.525	13.363.570.645
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		240.740.000	287.448.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	240.740.000	287.448.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.996.723.433	22.524.800.362

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 30/06/2022	TẠI NGÀY 01/01/2022
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		5.825.626.965	7.577.504.163
I. Nợ ngắn hạn	310		3.987.519.015	5.739.396.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	2.139.550.184	2.900.037.184
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10a	67.108.739	67.108.739
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	29.956.800	815.688.548
4. Phải trả người lao động	314	V.12	140.801.716	267.192.161
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.075.837.325	1.045.605.330
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	534.264.251	643.764.251
II. Nợ dài hạn	330		1.838.107.950	1.838.107.950
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	140.308.000	140.308.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	1.697.799.950	1.697.799.950
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.171.096.468	14.947.296.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	19.352.888.406	19.193.311.508
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.923.090.790	18.923.090.790
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	270.220.718	270.220.718
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		159.576.898	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(4.181.791.938)	(4.246.015.309)
1. Nguồn kinh phí	431	V.18	(4.181.791.938)	(4.246.015.309)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.996.723.433	22.524.800.362

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu

Trần Quốc Trung
Kế toán trưởng

Từ Tân Lộc
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.067.707.460	4.053.657.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.067.707.460	4.053.657.588
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	291.128.800	4.012.176.522
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		776.578.660	41.481.066
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	130.257.226	143.532.333
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	758.221.472	681.447.190
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		148.614.414	(496.433.791)
11. Thu nhập khác	31	VI.05	56.000.000	24.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.06	4.114.633	1.024.491
13. Lợi nhuận khác	40		51.885.367	22.975.509
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		200.499.781	(473.458.282)
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	40.922.883	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		159.576.898	(473.458.282)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểuTrần Quốc Trung
Kế toán trưởngTừ Tấn Lộc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

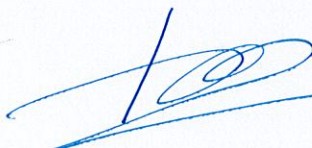
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.381.145.143	2.820.787.089
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.447.959.461)	(2.515.442.783)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.391.304.857)	(1.320.466.900)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(383.140.241)	(51.001.321)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.521.018.000	1.208.100.454
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.624.483.183)	(895.620.839)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(944.724.599)	(753.644.300)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(30.690.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		130.257.226	143.532.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.130.257.226	112.842.333
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.185.532.627	(640.801.967)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		93.637.347	2.993.884.824
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.279.169.974	2.353.082.857

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 07 năm 2022



Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu



Trần Quốc Trung
Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV 100% vốn do Nhà nước làm chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 19.110.118.355 VND

- Vốn chủ sở hữu đến ngày 30/06/2022 18.923.090.790 VND

Trụ sở đặt tại: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Lâm nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng

5. Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên bình quân trong năm là 31 người

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị không có Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2022	01/01/2022
- Tiền mặt tại quỹ	112.862.332	769.644
Tiền mặt tại quỹ VNĐ	112.862.332	769.644
- Tiền gửi ngân hàng VNĐ	1.166.307.642	92.867.703
NH NN & PT Nông thôn Việt Nam - CN Kông Chro	284.416.631	3.741.718
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Kông Chro	849.373.667	56.373.924
NH TMCP Á Châu (ACB)	32.517.344	32.752.061
Tổng cộng	1.279.169.974	93.637.347
2. Các khoản đầu tư tài chính	30/06/2022	01/01/2022
Tiền gửi có kỳ hạn VNĐ (*)		
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Kông Chro	5.000.000.000	7.000.000.000
Tổng cộng	5.000.000.000	7.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. Phải thu khách hàng		30/06/2022	01/01/2022		
a. Ngắn hạn					
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai		-	399.037.683		
- Công ty TNHH SX Lâm nghiệp Hưng Thịnh		-	914.400.000		
- Công ty XNK (Đà Nẵng) Thủy		6.671.420	6.671.420		
Tổng cộng		6.671.420	1.320.109.103		
4. Trả trước cho người bán		30/06/2022	01/01/2022		
a. Ngắn hạn					
- Từ Tấn Lộc		54.669.233	54.669.233		
- Xí nghiệp tư nhân Hưng Thịnh (a)		29.597.681	29.597.681		
- Lê Kim Sơn		310.000.000	-		
Tổng cộng		394.266.914	84.266.914		
(a) Là khoản công nợ trả trước người bán ngắn hạn số tiền là 29.597.681 đồng, Công ty chưa nhận được thư xác nhận.					
5. Các khoản phải thu khác		30/06/2022	01/01/2022		
a. Ngắn hạn		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng		118.133.570	-	80.133.570	-
- Phải thu khác.		3.022.949	-	3.192.741	-
Tổng cộng		121.156.519	-	83.326.311	-
b. Dài hạn					
- Phải thu về đầu tư liên kết trồng rừng (b)		172.494.900	-	172.494.900	-
Tổng cộng		172.494.900	-	172.494.900	-
(b) Chi tiết số dư khoản phải thu dài hạn như sau:					
+ Chi phí đầu tư cho các hộ dân về các hợp đồng liên kết trồng rừng				172.494.900	172.494.900
Cộng				172.494.900	172.494.900
6. Chi phí trả trước		30/06/2022	Tăng	Giảm	01/01/2022
a. Ngắn hạn					
Công cụ, dụng cụ phân bổ		26.076.123	-	28.513.399	54.589.522
Tổng cộng		26.076.123	-	28.513.399	54.589.522
b. Dài hạn					
Chi phí PA rừng bền vững		240.740.000	-	46.708.000	287.448.000
Tổng cộng		240.740.000	-	46.708.000	287.448.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số dư đầu năm	628.436.894	712.513.027	120.690.000	1.461.639.921
Số dư cuối kỳ	628.436.894	712.513.027	120.690.000	1.461.639.921
Khấu hao lũy kế				
- Số dư đầu năm	628.436.894	712.513.027	94.248.750	1.435.198.671
- Khấu hao trong kỳ	-	-	2.557.500	2.557.500
Số dư cuối kỳ	628.436.894	712.513.027	96.806.250	1.437.756.171
Giá trị còn lại				
- Số dư đầu năm	-	-	26.441.250	26.441.250
- Số dư cuối kỳ	-	-	23.883.750	23.883.750
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn được sử dụng bao gồm:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	628.436.894	712.513.027	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
			90.000.000	1.430.949.921
Tại ngày 30/06/2022				

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

8. Tài sản dở dang dài hạn	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Chi phí trồng rừng:				
- Rừng 1998	-	-	-	-
- Rừng 2014	572.485.465	572.485.465	572.485.465	572.485.465
- Rừng 2015 công ty 1205ha	357.929.781	357.929.781	357.929.781	357.929.781
- Rừng 2015 trồng liên kết Hà Thanh 238.2ha		-		-
- Rừng 2015 hợp tác cty	158.850.000	158.850.000	158.850.000	158.850.000
- Rừng 2016 trồng liên kết Hà Thanh 300.8ha	326.962.234	326.962.234	326.962.234	326.962.234
- Rừng HTNLĐ 8ha	68.662.500	68.662.500	68.662.500	68.662.500
- Rừng 2016 trồng mới - 38,5ha	1.347.072.416	1.347.072.416	1.347.072.416	1.347.072.416
- Rừng 2017 44,89ha HTNLĐ	134.670.000	134.670.000	134.670.000	134.670.000
- Rừng 2017 Kong Yang	17.534.880	17.534.880	236.208.000	236.208.000
- Rừng 2017 Ctyi 15.23ha	384.436.588	384.436.588	384.436.588	384.436.588
- Rừng 2018 - 4,6ha	118.745.685	118.745.685	118.745.685	118.745.685
- Rừng 2019 98.78ha	2.634.794.216	2.634.794.216	2.634.794.216	2.634.794.216
- Rừng 2019 62ha	141.662.000	141.662.000	114.712.000	114.712.000
- Lịch, Hoàng, Sen HT công ty	169.425.000	169.425.000	169.425.000	169.425.000
- Rừng 2020 CTy 35.5 ha	824.348.760	824.348.760	824.348.760	824.348.760
- Rừng 2020 hợp tác hộ dân 304.37ha	1.647.750.000	1.647.750.000	1.474.750.000	1.474.750.000
- Rừng 2021 hợp tác hộ dân	560.296.000	560.296.000	401.796.000	401.796.000
- Rừng công ty 156.63ha	3.378.828.000	3.378.828.000	3.378.828.000	3.378.828.000
- Rừng xen canh gỗ lớn 22.34	658.894.000	658.894.000	658.894.000	658.894.000
- Rừng 2022 hợp tác hộ dân	134.000.000	134.000.000	-	-
Tổng cộng	13.637.347.525	13.637.347.525	13.363.570.645	13.363.570.645

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

9. Phải trả người bán	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Các hộ dân chăm sóc rừng				
- Cao Xuân Quốc	384.651.797	384.651.797	384.651.797	384.651.797
- Đinh Đót, Sơn	366.020.342	366.020.342	366.020.342	366.020.342
- Đào Văn lịch	125.362.717	125.362.717	125.362.717	125.362.717
- Sơn, Tuấn, Quốc	267.847.901	267.847.901	267.847.901	267.847.901
- Lê Kim Sơn		-	760.487.000	760.487.000
- Công ty TNHH TV Lâm nghiệp Nguyễn Lâm	176.080.000	176.080.000	176.080.000	176.080.000
- Lê Văn Trung	71.910.508	71.910.508	71.910.508	71.910.508
- Phạm Văn Tài	45.415.813	45.415.813	45.415.813	45.415.813
- Võ Đình Chung	37.698.038	37.698.038	37.698.038	37.698.038
- Sơn, Tâm, Quốc	301.367.517	301.367.517	301.367.517	301.367.517
- Đinh Hươu, Lê Kim Sơn	264.380.651	264.380.651	264.380.651	264.380.651
- Lê Đức Vũ	98.814.900	98.814.900	98.814.900	98.814.900
Tổng cộng	2.139.550.184	2.139.550.184	2.900.037.184	2.900.037.184
10. Người mua trả tiền trước			30/06/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn				
- Công ty TNHH 30-4 Gia Lai (c)			67.108.739	67.108.739
Tổng cộng			67.108.739	67.108.739

(c) Là khoản công nợ người mua trả tiền trước ngắn hạn phát sinh từ những năm trước. Công ty chưa nhận được thư xác nhận công nợ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người mua trả tiền trước (tiếp theo)

<i>b. Dài hạn</i>	30/06/2022	01/01/2022
- Hộ gia đình Phan Đoàn Trần Hòa	39.600.000	39.600.000
- Hộ gia đình Trương Thị Thu Hiền	27.324.000	27.324.000
- Hộ gia đình Phan Trần Hiền	26.400.000	26.400.000
- Các đối tượng khác	46.984.000	46.984.000
Tổng cộng	140.308.000	140.308.000

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
Thuế GTGT	(6.000.000)	-	-	(6.000.000)
Thuế TNDN	286.217.420	40.922.883	383.140.241	(55.999.938)
Thuế tài nguyên	(32.916.370)	-	-	(32.916.370)
Các loại thuế khác	529.471.128	36.484.800	535.999.128	29.956.800
Tổng cộng	776.772.178	77.407.683	919.139.369	(64.959.508)

Số thuế phải nộp của Công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2022	01/01/2022
Thuế GTGT	6.000.000	6.000.000
Thuế TNDN	55.999.938	-
Thuế tài nguyên	32.916.370	32.916.370
Tổng cộng	94.916.308	38.916.370

b. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	30/06/2022	01/01/2022
Thuế TNDN		286.217.420
Các loại thuế khác	29.956.800	529.471.128
Tổng cộng	29.956.800	815.688.548

12. Phải trả công nhân viên

	30/06/2022	01/01/2022
- Phải trả công nhân viên	140.801.716	267.192.161
Tổng cộng	140.801.716	267.192.161

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

13. Phải trả khác	30/06/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	23.714.346	-
- Bảo hiểm xã hội	14.674.726	14.674.730
- Bảo hiểm y tế	3.220.953	3.221.018
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.851.205	1.851.205
- Chênh lệch khoản ngân sách đầu tư trồng rừng 2014-2015	949.197.641	949.197.641
- K/c Lợi nhuận sau thuế tndn 2021 nộp về CSH	-	70.636.282
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	83.178.454	6.024.454
Tổng cộng	1.075.837.325	1.045.605.330
b. Dài hạn	30/06/2022	01/01/2022
- Liên doanh trồng rừng với Công ty MDF VINAFOR Gia Lai	-	-
- Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH (d)	1.697.799.950	1.697.799.950
Tổng cộng	1.697.799.950	1.697.799.950

Chi tiết số dư khoản Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH như sau:

(d) Số phải nộp về Quỹ Bảo vệ và rừng Gia Lai (cv số 698 ngày 19/3/2021)	1.195.674.950
Phần còn lại chưa k/c thu nhập do chưa khai thác rừng 2014	502.125.000
Cộng	1.697.799.950

(d) Là khoản tiền được hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH. Căn cứ công văn số 698/SNNPTNT-TTr của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai ngày 19/03/2021 về việc thông báo đến các đơn vị là chủ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai nộp trả lại giá trị sản phẩm sau khai thác. Theo đó, tổng số tiền Công ty phải nộp về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai là 1.767.531.500 đồng, trong đó số phải nộp cho diện tích rừng trồng năm 2012 & 2013 đã khai thác là 971.856.500 đồng và số còn phải nộp cho diện tích rừng trồng năm 2014 chưa khai thác là 795.675.000 đồng. Ngày 11/06/2021 Công ty đã nộp 571.856.550 đồng

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30/06/2022	Tăng	Giảm	01/01/2022
Quỹ khen thưởng	330.938.070	-	93.500.000	424.438.070
Quỹ phúc lợi	203.326.181	-	16.000.000	219.326.181
Tổng cộng	534.264.251	-	109.500.000	643.764.251

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2021	1.220.999.652	16.560.000.000	1.127.419.891	14.671.247	-	18.923.090.790
- Lãi/Lỗ trong kỳ					(473.458.282)	(473.458.282)
- Điều chỉnh	17.702.091.138	(16.560.000.000)	(1.127.419.891)	(14.671.247)	-	-
Số dư tại 30/06/2021	18.923.090.790	-	-	-	(473.458.282)	18.449.632.508
Số dư tại 01/01/2022	1.220.999.652	16.560.000.000	1.397.640.609	14.671.247	-	19.193.311.508
- Lãi trong năm	-	-	-	-	159.576.898	159.576.898
Số dư tại 30/06/2022	1.220.999.652	16.560.000.000	1.397.640.609	14.671.247	159.576.898	19.352.888.406

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	30/06/2022	01/01/2022
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn đầu tư của nhà nước (UBND tỉnh Gia Lai)	18.923.090.790	18.923.090.790
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.923.090.790	1.220.999.652
- Tăng trong kỳ	-	17.702.091.138
- Vốn góp cuối kỳ	18.923.090.790	18.923.090.790
e. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	30/06/2022	01/01/2022
- Số dư đầu năm	-	16.560.000.000
Giảm trong kỳ	-	(16.560.000.000)
- Số dư cuối kỳ	-	
16. Quỹ đầu tư phát triển	30/06/2022	01/01/2022
- Số dư đầu năm	270.220.718	1.127.419.891
Tăng từ trích LNST	-	270.220.718
Giảm trong kỳ	-	(1.127.419.891)
- Số dư cuối kỳ	270.220.718	270.220.718
17. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	30/06/2022	01/01/2022
- Số dư đầu năm	-	14.671.247
Giảm trong kỳ	-	(14.671.247)
- Số dư cuối kỳ	-	-
18. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí (*)	30/06/2022	01/01/2022
- Số dư đầu kỳ	(4.246.015.309)	(1.480.504.625)
- Tăng trong kỳ	1.885.864.000	733.686.280
Nguồn kinh phí nhận được trong kỳ	1.885.864.000	2.544.280.000
Hoàn trả trong kỳ	-	(1.810.593.720)
- Giảm trong kỳ	(1.821.640.629)	(3.499.196.964)
Chi sự nghiệp trong kỳ	(1.872.199.101)	(3.499.196.964)
Điều chỉnh theo BB quyết toán	50.558.472	-
- Số dư cuối kỳ	(4.181.791.938)	(4.246.015.309)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Nguồn kinh phí và quỹ khác (tiếp theo)

(*) Công ty ghi nhận kinh phí ngân sách nhận được trong giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2022 theo Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020: Nguồn kinh phí nhận được số tiền 1.885.864.000 đồng (cấp bù các năm trước); Các khoản chi của hoạt động này số tiền 1.872.199.101 đồng. Số được quyết toán năm 2021 là 3.448.638.491 đồng, số không được quyết toán là 50.558.472 đồng. Số dư đầu kỳ của nguồn kinh phí sự nghiệp là âm (1.324.078.315) đồng và của chi sự nghiệp là 2.921.936.994 đồng. Tính hợp lý của khoản chi phí này phụ thuộc vào quyết toán chính thức của các cấp có thẩm quyền.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.067.707.460	4.053.657.588
<i>trong đó:</i>		
Doanh thu bán gỗ rừng trồng	748.920.000	3.658.822.200
Doanh thu dịch vụ môi trường rừng	318.787.460	394.835.388
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.067.707.460	4.053.657.588
2. Giá vốn hàng bán	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Giá vốn	291.128.800	4.012.176.522
Tổng cộng	291.128.800	4.012.176.522
3. Doanh thu hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi	130.257.226	143.532.333
Tổng cộng	130.257.226	143.532.333
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	79.914.312	111.964.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.901.053	42.454.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.557.500	1.691.250
Thuế, phí và lệ phí	6.528.000	3.756.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.759.387	27.850.342
Chi phí bằng tiền khác	559.561.220	493.730.109
Tổng cộng	758.221.472	681.447.190

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
5. Thu nhập khác		
Kinh phí hỗ trợ Dân tộc thiểu số về bảo hiểm xã hội	56.000.000	24.000.000
Tổng cộng	56.000.000	24.000.000
6. Chi phí khác		
Chi phí khác	4.114.633	1.024.491
Tổng cộng	4.114.633	1.024.491
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	200.499.781	(473.458.282)
Cộng các khoản chi phí không được trừ	4.114.633	-
Thu nhập tính thuế	204.614.414	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.922.883	-
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		3.863.825.394
Chi phí nhân công	79.914.312	111.964.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.557.500	1.691.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.759.387	70.304.806
Chi phí khác bằng tiền	808.552.954	645.837.462
Tổng cộng	964.784.153	4.693.623.712

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.279.169.974		93.637.347	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác ngắn hạn, dài hạn	300.322.839	-	1.575.930.314	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	5.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Tổng cộng	6.579.492.813	-	8.669.567.661	-

Công nợ tài chính

	30/06/2022	01/01/2022
Phải trả người bán, phải trả khác	4.913.187.459	5.643.442.464
Tổng cộng	4.913.187.459	5.643.442.464

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ nên không có rủi ro về tỷ giá.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Rủi ro về giá

Đối với Công ty Ban Giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 30/06/2022	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.279.169.974		1.279.169.974
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác ngắn hạn, dài hạn	127.827.939	172.494.900	300.322.839
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tổng cộng	6.406.997.913	172.494.900	6.579.492.813
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	3.215.387.509	1.697.799.950	4.913.187.459
Tổng cộng	3.215.387.509	1.697.799.950	4.913.187.459
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.191.610.404	(1.525.305.050)	1.666.305.354

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tại ngày 01/01/2022	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.637.347		93.637.347
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác ngắn hạn, dài hạn	1.403.435.414	172.494.900	1.575.930.314
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Tổng cộng	8.497.072.761	172.494.900	8.669.567.661
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	3.945.642.514	1.697.799.950	5.643.442.464
Tổng cộng	3.945.642.514	1.697.799.950	5.643.442.464
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.551.430.247	(1.525.305.050)	3.026.125.197

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan

- Ông Từ Tấn Lộc
- Ông Võ Đình Chung
- Ông Trần Quốc Trung

Mối quan hệ

- Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng



Số công nợ phải thu với bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung	30/06/2022	01/01/2022
- Ông Từ Tấn Lộc	Ứng vốn trồng rừng & tạm ứng	99.669.233	99.669.233

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh kỳ trước là số liệu 06 tháng đầu năm 2021 đã được kiểm toán bởi Báo cáo tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021.

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2022

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2022 đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu

Trần Quốc Trung
Kế toán trưởng

Từ Tấn Lộc
Giám đốc



Mẫu số 01
BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	Năm 2021
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)		
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D (đồng)		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Vốn điều lệ		D (đồng)	19.110.118.355	19.110.118.355
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			847.408.460	957.220.705
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	77.407.683	894.142.842
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	77.407.683	823.506.560
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		70.636.282
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	989.775.651	1.003.955.087
-Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P (đồng)	70.636.282	
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển kỳ sau		D (đồng)	-64.959.508	847.408.460

Gia Lai, ngày 29 tháng 7 năm 2022



GIÁM ĐỐC

(Signature)
Từ Tấn Lộc